

**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM - BỆNH VIỆN ĐKKV MÓNG CÁI - CƠ SỞ 3**

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-BVMC ngày 07/05/2026)

STT	Mã kỹ thuật	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ theo Thông tư 23	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo Nghị quyết 321	Ghi chú
1	2.220	02.0220.0440	II. NỘI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	TDB	1.345.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
2	3.113	03.0113.0074	III. NHI KHOA	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	TDB	532.500	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
3	3.1076	03.1076.0440	III. NHI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	TDB	1.345.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
4	3.1942	03.1942.1010	III. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	TDB	380.100	
5	3.2072	03.2072.1009	III. NHI KHOA	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414.400	
6	3.2254	03.2254.0686	III. NHI KHOA	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	PDB	4.721.300	
7	3.3247	03.3247.0094	III. NHI KHOA	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	TDB	628.500	
8	3.3909	03.3909.0505	III. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	TDB	218.500	
9	3.3910	03.3910.0505	III. NHI KHOA	Trích hạch viêm mủ	Trích hạch viêm mủ	TDB	218.500	
10	10.318	10.0318.0104	X. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	TDB	950.500	Chưa bao gồm sonde.
11	10.490	10.0490.0458	X. NGOẠI KHOA	Cắt nhiều đoạn ruột non	Cắt nhiều đoạn ruột non	PDB	5.100.100	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
12	10.625	10.0625.0474	X. NGOẠI KHOA	Mở ống mắt chủ lấy sỏi đường mắt, nội soi tán sỏi đường mắt	Mở ống mắt chủ lấy sỏi đường mắt, nội soi tán sỏi đường mắt	PDB	4.970.100	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
13	10.782	10.0782.0556	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	PDB	4.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
14	10.797	10.0797.0548	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lõi cầu xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lõi cầu xương đùi	PDB	4.324.900	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
15	10.867	10.0867.0556	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	PDB	4.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
16	13.1	13.0001.0676	XIII. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	PDB	8.625.200	
17	13.6	13.0006.0673	XIII. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	PDB	6.517.600	
18	13.9	13.0009.0659	XIII. PHỤ SẢN	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiêu khung, vỡ tử cung phức tạp	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiêu khung, vỡ tử cung phức tạp	PDB	10.506.300	
19	13.10	13.0010.0660	XIII. PHỤ SẢN	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	PDB	8.104.200	
20	13.73	13.0073.0702	XIII. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	PDB	7.279.100	
21	15.234	15.0234.0925	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	TDB	754.400	
22	15.240	15.0240.0904	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	TDB	754.400	
23	16.298	16.0298.1009	XVI. RĂNG HÀM MẮT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414.400	
24	20.84	20.0084.0440	XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	TDB	1.345.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
25	27.170	27.0170.0464	XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	PDB	2.917.900	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
26	28.8	28.0008.0574	XXVIII. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THÂM MỸ	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu [diện tích ≥10 cm <sup>2</sup> ]	PDB	4.699.100	